

Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“Về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, yêu cầu ly hôn”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thùy Dung.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai, Tòa án mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 33/2025/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, về việc: “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, yêu cầu ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Văn R, sinh năm 1980. CCCD số: 036080016219

2/ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1986. CCCD số: 036186001252

Cùng trú tại: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Nai).

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, người yêu cầu trình bày:**

Sau thời gian tìm hiểu và yêu thương tự nguyện, ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ nay là xã N, tỉnh Ninh Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 31/7/2003. Tuy nhiên, vào thời điểm đăng ký kết hôn, ông R (sinh năm 1980) đã đủ tuổi đăng ký, còn bà H (sinh ngày 09/11/1986) chỉ mới hơn 16 tuổi 8 tháng, nhưng để được đăng ký kết hôn bà H đã khai với cán bộ xã là sinh tháng 10/1983 để ghi vào sổ kết hôn. Việc khai không đúng ngày tháng năm sinh chỉ nhằm mục đích được đăng ký kết hôn tại UBND xã, không nhằm mục đích nào khác.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, thời gian gần đây, ông bà đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tôn trọng lẫn nhau, không thấu hiểu và cảm thông cho nhau trong mọi việc dẫn đến cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn, cuộc sống không hạnh phúc, cả hai đều đã cho nhau cơ hội nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật và cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Ông R, bà H có 02 con chung là cháu Trần Anh D, sinh ngày 14/9/2004 và cháu Trần Hưng P, sinh ngày 28/8/2008. Ông bà thỏa thuận: Giao con chung là cháu Trần Hưng P cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, bà H không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu gì khác và xin được giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về trình tự, thủ tục tố tụng đã thực hiện đúng quy trình thủ tục do Bộ luật tố tụng Dân sự quy định, không có kiến nghị vi phạm gì.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H là có căn cứ chấp nhận, đồng thời ông R, bà H yêu cầu cho ly hôn do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của các đương sự: cho ông Trần Văn R ly hôn với bà Vũ Thị H. Về con chung: Giao cháu Trần Hưng P, sinh ngày 28/8/2008 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông R không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Anh D, sinh ngày 14/9/2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H hiện cư trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (cũ) nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Nai và có yêu cầu Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật, yêu cầu cho ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b, khoản 2 Điều 40 của Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 3 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông R, bà H có quyền yêu

cầu và yêu cầu của ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai.

Tại phiên họp, ông R, bà H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự:

[2.1] Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Theo công văn số 77/UBND-VP ngày 28/7/2025 của UBND xã N, tỉnh Ninh Bình về việc cung cấp thông tin hộ tịch thì tại sổ đăng ký kết hôn số 02/2003, trang số 02, số đăng ký 06 ngày 31/7/2003 và hệ thống đăng ký quản lý hộ tịch điện tử có thể hiện việc đăng ký kết hôn của: Họ tên chồng: Trần Văn R, sinh năm 1980; họ tên vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1983. Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình).

Tại giấy khai sinh (bản sao) số 342 ngày 27/6/2025 của UBND xã B, huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai và Căn cước công dân số 036186001252 thể hiện bà Vũ Thị H có ngày tháng năm sinh là 09/11/1986 (ngày chín, tháng mười một, năm một nghìn chín trăm tám mươi sáu). Các đương sự cũng thừa nhận, khi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N đã ghi năm sinh của bà H là 1983, khai tăng tuổi của bà H lên để đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, mà không nhằm mục đích gì khác.

Như vậy, vào thời điểm đăng ký kết hôn ngày 31/7/2003, ông Trần Văn R, sinh năm 1980 đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, các bên đều tự nguyện đăng ký kết hôn, không bị ép buộc, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nhưng bà Vũ Thị H, sinh ngày 09/11/1986 chỉ mới hơn 16 tuổi 08 tháng (chưa đủ 18 tuổi). Đối chiếu với quy định tại khoản 1, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc kết hôn giữa ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H là trái pháp luật.

Do đó đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông R và bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 3 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung:

Bên cạnh yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H còn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, tại thời điểm kết hôn ngày 31/7/2003 bà H chưa đủ điều kiện kết hôn, hiện tại các bên đã đủ điều kiện kết hôn nhưng các đương sự đều thừa nhận trong cuộc sống gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không hòa giải được và đều có mong muốn được ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho ông Trần Văn R ly hôn với bà Vũ Thị H.

Về con chung: ông R, bà H đã thỏa thuận và thống nhất giao cháu Trần Hưng P, sinh ngày 28/8/2008 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục. Tạm thời, bà H không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Anh D, sinh ngày 14/9/2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông R, bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai tại phiên họp là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40, Điều 149, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, khoản 3 Điều 10, Điều 11, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm c, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H về việc “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu ly hôn*”:

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H được UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp chứng nhận kết hôn số 06 ngày 31/7/2003.

- Ông Trần Văn R được ly hôn với bà Vũ Thị H.

Về con chung: Giao cháu Trần Hưng P, sinh ngày 28/8/2008 cho bà Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông R không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn R được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Trần Anh D, sinh ngày 14/9/2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự

nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001580 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông R, bà H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Trần Văn R và bà Vũ Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai có quyền kháng nghị quyết định này trong hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Nghĩa Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Hs, CQ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thùy Dung